



lpard

AGRO@NFO

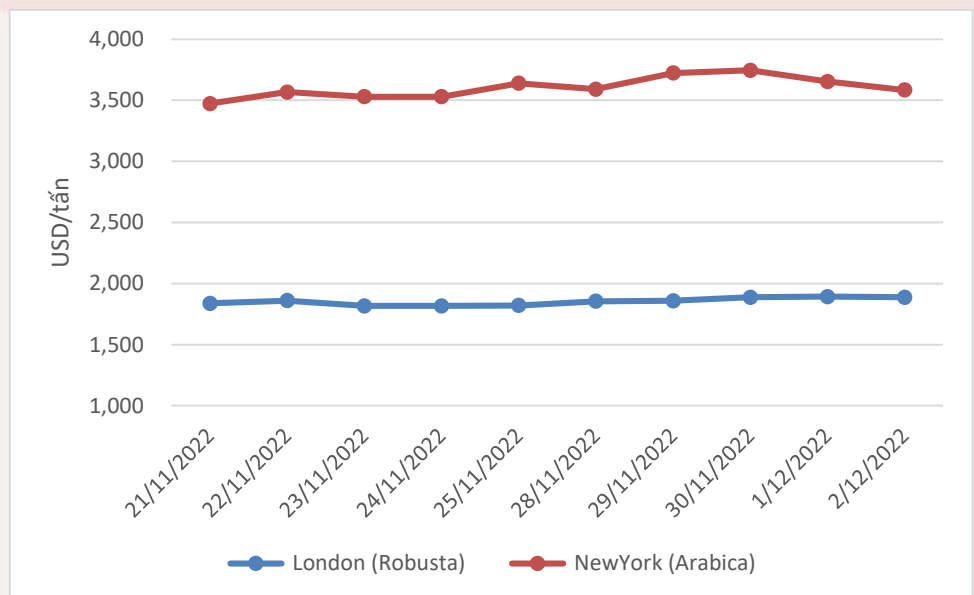
Tuần 48
(28.11.2022 – 02.12.2022)

BẢN TIN TUẦN CÀ PHÊ

ĐIỂM TIN

- ❖ Giá cà phê Robusta kỳ hạn T01/2023 tăng 2,51% so với tuần trước lên mức bình quân 1.876 USD/tấn.
- ❖ Giá cà phê Arabica kỳ hạn tháng 03/2023 tăng 3,16% so với mức giá tuần trước lên mức bình quân 3.660 USD/tấn.
- ❖ Xuất khẩu cà phê Robusta của Sumatra trong tháng 10 là 118.350 bao, cao hơn 589,78% so với cùng tháng năm ngoái, với tổng cộng 138.417 bao.
- ❖ Xuất khẩu cà phê của Costa Rica trong tháng 11 thấp hơn 43,16% so với cùng tháng năm ngoái, với tổng số 12.945 bao.

THỊ TRƯỜNG THẾ GIỚI



Nguồn: Sàn kỳ hạn ICE. www.theice.com

Thị trường London kỳ hạn tháng 01/2023 diễn biến tăng trong tuần. Giá cà phê Robusta trung bình đạt 1.876 USD/tấn, tăng 2,51% so với tuần trước, nhưng giảm 18,80% so với cùng kỳ năm 2021. Giá cao nhất trong tuần đạt 1.892 USD/tấn, giá thấp nhất là 1.855 USD/tấn.

Thị trường New York kỳ hạn tháng 03/2023 diễn biến tăng trong tuần. Giá cà phê Arabica bình quân đạt 3.660 USD/tấn, tăng 3,16% so với mức giá tuần trước nhưng giảm 30,03% so với cùng kỳ năm 2021. Giá cao nhất trong tuần đạt 3.746 USD/tấn, giá thấp nhất trong tuần đạt 3.585 USD/tấn.

Dữ liệu thương mại của chính phủ Indonesia từ Sumatra, đảo sản xuất cà phê hàng đầu ở Indonesia, đã cho biết xuất khẩu cà phê Robusta của đảo này trong tháng 10 là 118.350 bao, cao hơn 589,78% so với cùng tháng năm ngoái, với tổng cộng 138.417 bao. Điều này góp phần đưa tổng xuất khẩu cà phê Robusta của quần đảo trong 7 tháng đầu tiên của niên vụ cà phê hiện tại từ tháng 4 năm 2022 đến tháng 3 năm 2023 là 950.691 bao, cao hơn 48,89% so với cùng kỳ năm trước, đạt tổng cộng 2.895.097 bao.

Bờ Biển Ngà đã cho biết xuất khẩu cà phê của quốc gia này trong tháng 10 là 62.200 bao, cao hơn 264,87% so với cùng tháng năm ngoái, với tổng số 85.683 bao. Đây là tháng đầu tiên của niên vụ cà phê mới từ tháng 10/2022 đến tháng 9/2023 mà quốc gia sản xuất cà phê Robusta này được dự báo sẽ xuất khẩu trên 800.000 bao.

Viện Cà phê Quốc gia Costa Rica (ICAFFE) đã cho biết xuất khẩu cà phê của nước này trong tháng 11 thấp hơn 43,16% so với cùng tháng năm ngoái, với tổng số 12.945 bao. Điều này đã góp phần khiến xuất khẩu cà phê lũy kế trong hai tháng đầu tiên của niên vụ cà phê hiện tại từ tháng 10 năm 2022 đến tháng 9 năm 2023 thấp hơn 35,71% so với cùng kỳ niên vụ cà phê trước đó, với tổng cộng 22.536 bao.

Viện Cà phê Quốc gia Costa Rica (ICAFFE) cũng cho biết sản lượng cà phê của nước này trong niên vụ cà phê từ tháng 10 năm 2022 đến tháng 9 năm 2023 có thể sẽ tăng 11,50% so với năm trước, lên tổng cộng 1.430.000 bao.

Chính phủ Brazil đã báo cáo dữ liệu sơ bộ, xuất khẩu cà phê nhân của nước này trong tháng 11 cao hơn 23,61% so với cùng kỳ năm ngoái, đạt tổng cộng 3,61 triệu bao.

Brazil vẫn là nhà sản xuất và xuất khẩu cà phê lớn nhất thế giới, trung bình trong 5 năm chiếm 31% thị phần xuất khẩu toàn cầu, chủ yếu là cà phê arabica và bao gồm một tỷ lệ xuất khẩu cà phê Conilon Robusta, cũng như hỗn hợp cà phê hòa tan và các sản phẩm cà phê giá trị gia tăng khác. Quốc gia này tự cung cấp cho nhu cầu tiêu dùng trong nước của họ, khoảng 21,50 triệu bao

mỗi năm, cũng như hiệu suất xuất khẩu sang thị trường tiêu dùng trung bình khoảng 36,50 triệu bao cà phê nhân cho thị trường tiêu dùng. Con số này cao hơn 10% so với nước sản xuất và xuất khẩu cà phê lớn thứ hai, chủ yếu là cà phê robusta, Việt Nam, và cao hơn một chút so với nước sản xuất và xuất khẩu cà phê arabica chất lượng đã qua xử lý lớn thứ ba và lớn nhất là Colombia.

Số liệu thống kê từ Trung tâm Thương mại Quốc tế cho thấy, trong 9 tháng đầu năm 2022, Hàn Quốc nhập khẩu cà phê đạt 152,25 nghìn tấn, trị giá 966,36 triệu USD, tăng 10,9% về lượng và tăng 49,8% về trị giá so với cùng kỳ năm 2021.

Trong đó, Hàn Quốc nhập khẩu chủ yếu chủng loại cà phê chưa rang, chưa khử caffeine (HS 090111), đạt xấp xỉ 130,63 nghìn tấn, trị giá 655,73 triệu USD, tăng 12,1% về lượng và tăng 77,9% về trị giá so với cùng kỳ năm 2021.

Thị phần cà phê chưa rang, chưa khử caffeine chiếm 85,8% tổng lượng cà phê nhập khẩu của Hàn Quốc trong 9 tháng đầu năm 2022, cao hơn so với thị phần 84,89% trong 9 tháng đầu năm 2021.

Bên cạnh đó, Hàn Quốc cũng tăng mạnh nhập khẩu chủng loại cà phê rang, khử caffeine (HS 090112), với mức tăng 93,5% về lượng và tăng 160,3% về trị giá so với cùng kỳ năm 2021.

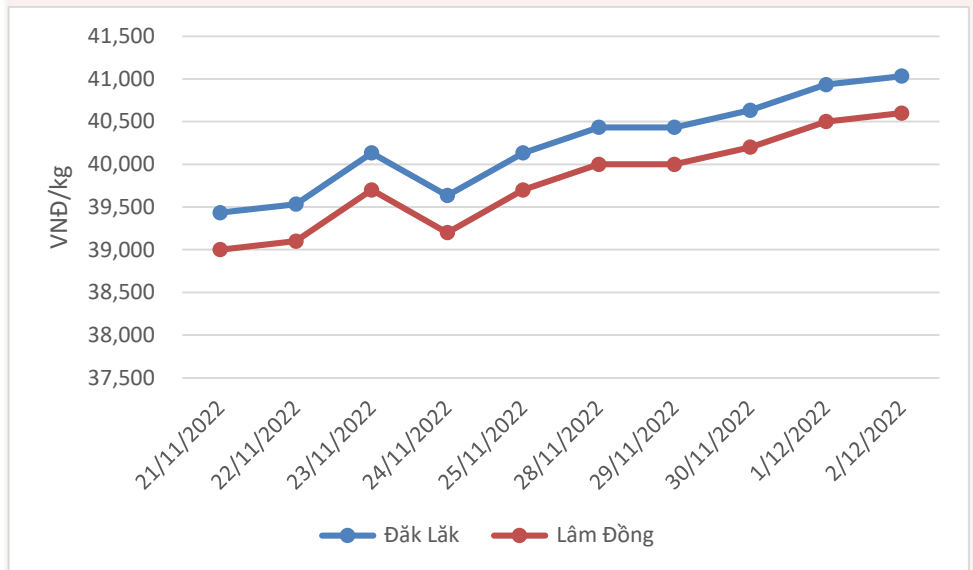
Xét về cơ cấu nguồn cung, trong 9 tháng đầu năm 2022, Hàn Quốc tập trung nhập khẩu cà phê từ các nước sản xuất hàng đầu thế giới như Brazil, Việt Nam, Colombia,...

Brazil là nguồn cung cà phê lớn nhất cho Hàn Quốc, lượng nhập khẩu đạt 33,77 nghìn tấn, trị giá 164 triệu USD trong 9 tháng đầu năm 2022, tăng 19,8% về lượng và tăng 119,6% về trị giá so với cùng kỳ năm 2021.

ĐIỂM TIN

- ❖ Giá cà phê Robusta trung bình tại các tỉnh Tây Nguyên tăng so với tuần trước. Giá trung bình tại Đắk Lắk là 40.693 đồng/kg. Giá trung bình tại Lâm Đồng là 40.260 đồng/kg.
- ❖ Cà phê giao ngay tại cảng Sài Gòn tăng 1,52% so với tuần trước lên mức 1.911 USD/tấn.
- ❖ Xuất khẩu cà phê của Việt Nam tháng 11/2022 đạt 110 nghìn tấn, trị giá 267 triệu USD, tăng 37,8% về lượng và tăng 29% về trị giá so với tháng 10/2022, so với tháng 11/2021 tăng 2,6% về lượng và tăng 9,9% về trị giá.
- ❖ Bộ Nông nghiệp khuyến cáo nông dân không tự phát chặt phá cà phê để mở rộng diện tích sầu riêng, tại các vùng có điều kiện đất đai, tưới tiêu nước không phù hợp.

THỊ TRƯỜNG VIỆT NAM



Nguồn: CTV AgroInfo

Giá cà phê trung bình trong nước tại các tỉnh Tây Nguyên tuần này diễn biến tăng so với tuần trước. Tại Đắk Lắk, giá cà phê Robusta bình quân trong tuần đạt 40.693 đồng/kg, tăng 2,31% so với tuần trước nhưng giảm 1,12% so với cùng kỳ năm 2021. Tại Lâm Đồng, giá cà phê Robusta tăng 2,34% so với tuần trước, lên mức bình quân 40.260 đồng/kg và giảm 0,36% so với cùng kỳ năm 2021.

Giá cà phê xuất khẩu giao ngay (FOB) tại cảng Sài Gòn tuần này đạt 1.911 USD/tấn, tăng 1,52% so với tuần trước.

Để nâng cao giá trị sản xuất ngành cà phê, tỉnh Đắk Nông đang tập trung hỗ trợ nông dân tăng cường liên kết sản xuất theo chuỗi giá trị nhằm tạo ra sản phẩm cà phê chất lượng cao, số lượng lớn. Đồng thời, khuyến khích, hỗ trợ nông dân chuyển đổi sang sản xuất sang các tiêu chuẩn “sạch” như GAP, UTZ, 4C... để sản phẩm cà phê “rộng đường” xuất khẩu tới các thị trường “khó tính”.

Bên cạnh đó, Đắk Nông cũng tăng cường hỗ trợ người dân ứng dụng khoa học kỹ thuật vào sản xuất; hỗ trợ người dân phát triển chế biến cà phê, xây dựng thương hiệu, mở rộng thị trường tiêu thụ... Hiện nay xu hướng của nông dân tỉnh Đắk Nông là hình thành các vùng sản xuất cà phê đặc sản; đầu tư công nghệ chế biến cà phê tiên tiến, góp phần nâng cao chất lượng, giá trị sản phẩm.

Năm 2021, Đắk Nông đã xuất khẩu hơn 102.000 tấn cà phê, trị giá gần 150 triệu USD, chiếm hơn 15% tổng giá trị xuất khẩu của tỉnh. Sản phẩm cà phê của Đắk Nông đã được xuất khẩu tới 20 nước trên thế giới; trong đó Singapore là thị trường lớn nhất với khoảng 60% giá trị xuất khẩu..

Tại Việt Nam, cà phê là một trong 13 nông sản chủ lực quốc gia và đóng góp 3% GDP cả nước. Hiện nay, ngành cà phê tạo việc làm và thu nhập ổn định cho hơn 600 ngàn hộ nông dân, góp phần phát triển kinh tế xã hội, xóa đói giảm nghèo ở các vùng trồng cà phê ở Việt Nam.

Theo Hiệp hội Cà phê Thế giới (ICO), Việt Nam chiếm khoảng 19% khối lượng giao dịch cà phê toàn cầu, là nước xuất khẩu cà phê lớn thứ 2 thế giới và đứng số 1 về cà phê Robusta.

Hàng năm, Việt Nam xuất khẩu khoảng 1,6 – 1,8 triệu tấn cà phê; trong đó, cà phê nhân thô chiếm khoảng 90%; tỉ lệ cà phê chế biến sâu chỉ chiếm khoảng 10%. Đây cũng chính là một trong những lí do khiến Việt Nam chưa có nhiều thương hiệu mạnh trên thị trường cà phê thế giới. Trong khi đó, sản lượng tiêu thụ nội địa hiện mới đạt xấp xỉ 10%. Nạn cà phê bẩn, cà phê chứa hóa chất độc hại đang là vấn đề nan giải, gây bức xúc trong dư luận và khiến người tiêu dùng hoang mang.

Trên thực tế, giá cà phê Việt Nam gần như phụ thuộc vào giá thế giới, lên xuống thất thường và rất khó dự báo khiến người trồng cà phê gặp nhiều khó khăn.

Theo ước tính, xuất khẩu cà phê của Việt Nam tháng 11/2022 đạt 110 nghìn tấn, trị giá 267 triệu USD, tăng 37,8% về lượng và tăng 29% về trị giá so với tháng 10/2022, so với tháng 11/2021 tăng 2,6% về lượng và tăng 9,9% về trị giá. Tính chung 11 tháng năm 2022, xuất khẩu cà phê của Việt Nam ước tính đạt 1,53 triệu tấn, trị giá 3,54 tỷ USD, tăng 10,2% về lượng và tăng 31,5% về trị giá so với cùng kỳ năm 2021.

Tháng 11/2022, giá xuất khẩu bình quân cà phê của Việt Nam ước đạt mức 2.425 USD/tấn, giảm 6,4% so với tháng 10/2022, nhưng tăng 7,2% so với tháng 11/2021. Tính chung 11 tháng năm 2022, giá xuất khẩu bình quân cà phê của Việt Nam đạt 2.309 USD/tấn, tăng 19,4% so với cùng kỳ năm 2021.

Bộ Nông nghiệp khuyến cáo nông dân không tự phát chặt phá cà phê để mở rộng diện tích sầu

riêng, tại các vùng có điều kiện đất đai, tưới tiêu nước không phù hợp.

Số liệu thống kê từ Tổng cục Hải quan cho thấy, xuất khẩu cà phê Robusta trong 10 tháng năm 2022 đạt 1,26 triệu tấn, trị giá 2,51 tỷ USD, tăng 12,2% về lượng và tăng 35,7% về trị giá; xuất khẩu cà phê chế biến tăng 15,9%, đạt trên 541 triệu USD; xuất khẩu cà phê Arabica tăng 8,0% về lượng và tăng 70% về trị giá so với cùng kỳ năm 2021, đạt 49,75 nghìn tấn, trị giá 219,4 triệu USD. Trong khi đó, xuất khẩu cà phê Excelsa giảm 17,9% về lượng, nhưng tăng 9,8% về trị giá, đạt 1,78 nghìn tấn, trị giá 4,38 triệu USD.

Nguồn tham khảo:

1. <https://www.theice.com/index>
2. <https://www.iandmsmith.com/>
3. <https://www.comunicaffe.com>
4. CTV và trang tin Tin Tây Nguyên
5. <https://giacaphe.com>
6. <https://www.comunicaffe.com/>
7. <https://dantocmiennui.vn/xu-huong-hinh-thanh-cac-vung-san-xuat-ca-phe-dac-san-tai-dak-nong/329122.html>
8. <https://www.moitruongvadothi.vn/tap-doan-quoc-te-my-viet-tro-thanh-bieu-tuong-cua-ca-phe-dang-cap-hang-dau-khu-vuc-a116411.html>
9. <https://www.quochoitv.vn/canh-bao-tinh-trang-chat-ca-phe-trong-sau-rieng>
10. <https://etime.danviet.vn/thi-truong-xuat-hien-tin-hieu-kha-quan-som-thuc-day-gia-ca-phe-20221205133946443.htm>

Giá cà phê nhân xô

Đơn vị: VNĐ/kg

Tỉnh/ huyện	Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6	Trung bình	Tăng/ giảm
LÂM ĐỒNG	40.000	40.000	40.200	40.500	40.600	40.260	920
Bảo Lộc	40.000	40.000	40.200	40.500	40.600	40.260	920
Di Linh	40.000	40.000	40.200	40.500	40.600	40.260	920
Lâm Hà	40.000	40.000	40.200	40.500	40.600	40.260	920
ĐẮK LẮK	40.433	40.433	40.633	40.933	41.033	40.693	920
Cư M'gar	40.500	40.500	40.700	41.000	41.100	40.760	920
Ea H'leo	40.400	40.400	40.600	40.900	41.000	40.660	920
Buôn Hồ	40.400	40.400	40.600	40.900	41.000	40.660	920
GIA LAI	40.433	40.433	40.633	40.933	41.033	40.693	920
Pleiku	40.400	40.400	40.600	40.900	41.000	40.660	920
Chư Prông	40.500	40.500	40.700	41.000	41.100	40.760	920
La Grai	40.400	40.400	40.600	40.900	41.000	40.660	920
ĐẮK NÔNG	40.450	40.450	40.650	40.950	41.150	40.730	940
Đắk R'lấp	40.400	40.400	40.600	40.900	41.100	40.680	940
Gia Nghĩa	40.500	40.500	40.700	41.000	41.200	40.780	940
KON TUM	40.500	40.500	40.700	41.000	41.100	40.760	920
Đắk Hà	40.500	40.500	40.700	41.000	41.100	40.760	920
HỒ CHÍ MINH (USD/tấn)	1.917	1.922	1.893	1.909	1.915	1.911	29

Nguồn: CTV Agroinfo, Giacaphe.com



Bản tin được thực hiện bởi **AGROiNFO**

VIỆN CHÍNH SÁCH VÀ CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN NÔNG NGHIỆP NÔNG THÔN

TRUNG TÂM THÔNG TIN PHÁT TRIỂN NÔNG NGHIỆP NÔNG THÔN

Địa chỉ: 16 Thụy Khuê, Tây Hồ, Hà Nội

Email: info@agro.gov.vn

Website: www.agro.gov.vn